ECG TRÈ EM TIẾP CẬN CƠ BẢN

THS. BS LÊ NGUYỄN PHÚ QUÝ

Bộ môn Nhi

ĐH Y Dược TP.HCM

Mục tiêu

- 1. Biết một số đặc điểm khác biệt của ECG ở trẻ em so với người lớn
- 2. Tiếp cận ECG ở trẻ em một cách có hệ thống
- Nhận diện và phân tích được một số bất thường hay gặp trên ECG trong bệnh lí TBS

ECG TRE EM - CÓ GÌ KHÁC?

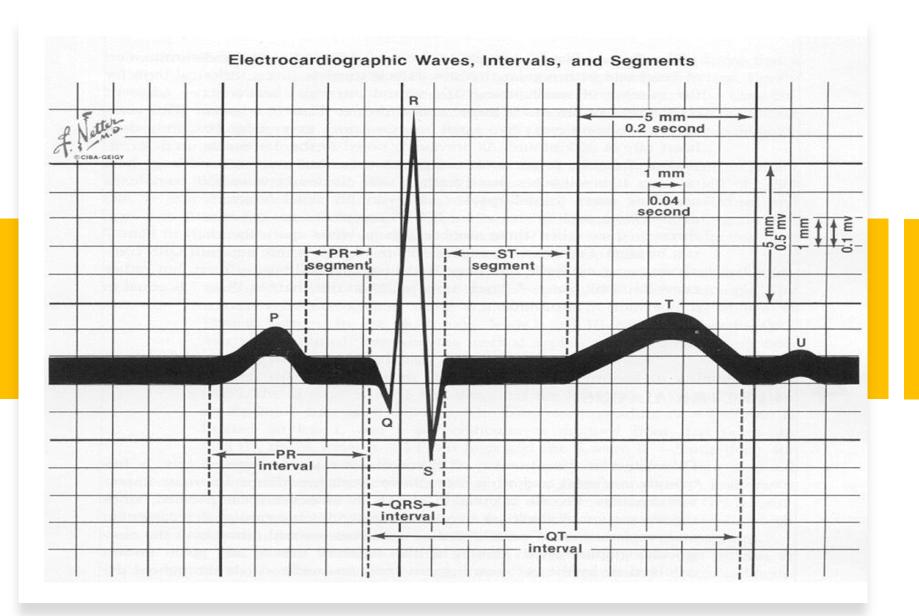
 Trẻ quấy → sai lệch kết quả (nhịp tim, hình dạng sóng, đường đẳng điện...)

- Vị trí tim/ TBS:
 - levocardia/ dextrocardia/ mesocardia.
 - Tim xoay hoặc đảo nhĩ, đảo thất.
- Tiêu chuẩn điện thế, trục... thay đổi theo tuổi

MỘT SỐ LƯU Ý

- Kiểm tra một số yếu tố kĩ thuật đo
 - Tốc độ chạy giấy, test milivolt
 - Cài đặt chuẩn: 25mm/s và 10mm/mV
- Có mắc lộn điện cực?
 - P (+) ở avR; (-) ở DI, aVF

Cần kết hợp khám lâm sàng và XQ nếu nghi ngờ bất thường



TIẾP CẬN ECG CÓ HỆ THỐNG

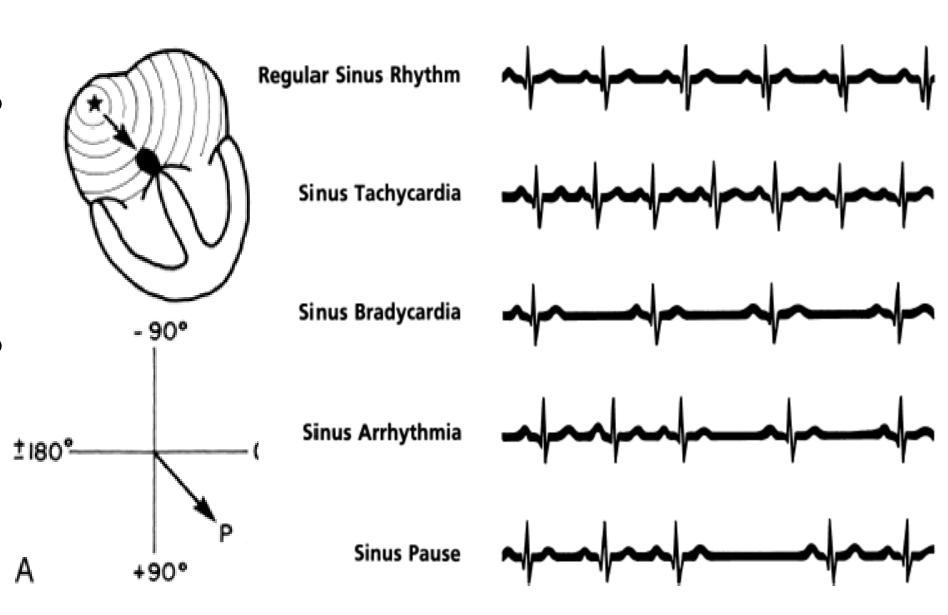
TIẾP CẬN ECG CÓ HỆ THỐNG

- 1. Nhip xoang?
- 2. Đều không?
- 3. Tần số?
- 4. Trục điện tim
- 5. Sóng P
- 6. Khoảng PR và đoạn PR
- 7. QRS: hình dạng, biên độ, thời gian
- 8. ST
- 9. T: hình dạng, biên độ
- 10. QTc

1. CHỦ NHỊP

• NHIP XOANG?

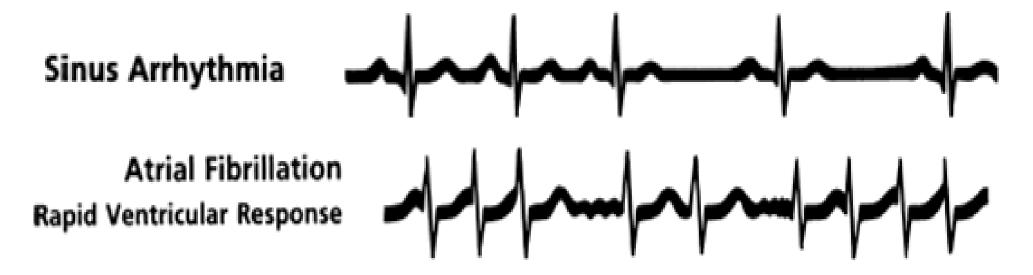
KHÔNG PHẢI
 NHỊP XOANG
 → CHỦ NHỊP?



2. NHỊP CÓ ĐỀU KHÔNG?

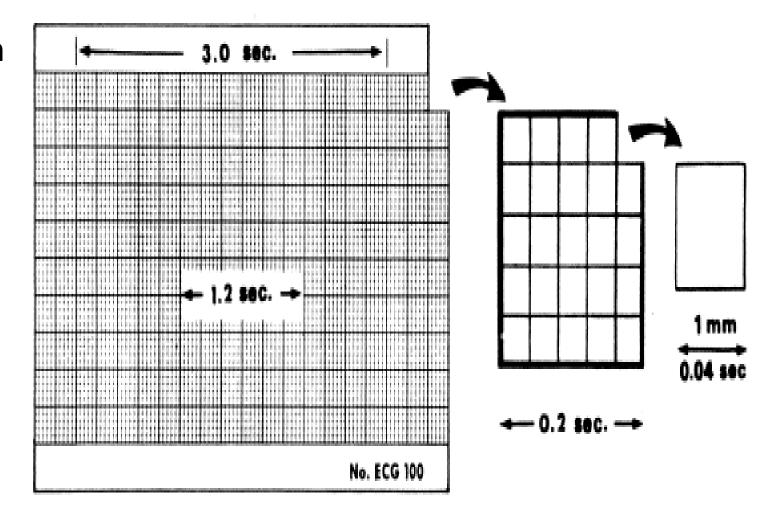
Nhịp đều

• Không đều: Kiểu gì? (không đều hoàn toàn/ có chu kì...)



3. TẦN SỐ TIM

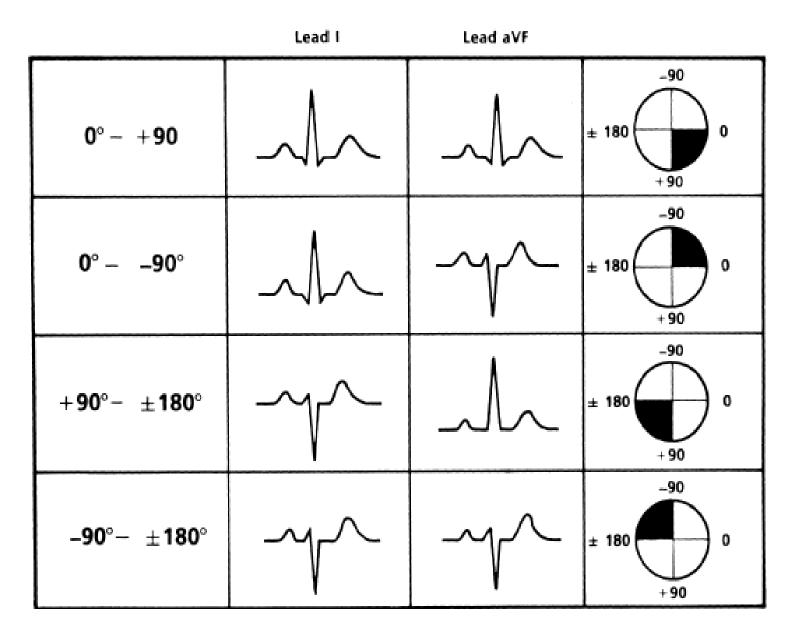
• Tần số = 300: số ô lớn



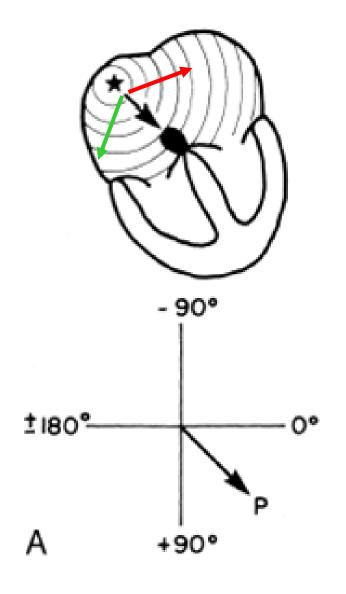
4. TRỤC ĐIỆN TIM

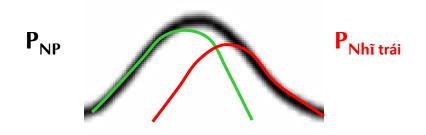
- Ước chừng: dùng DI và aVF
- Bình thường:

• Thay đổi theo tuổi



5. SÓNG P





- Hình dạng
- Biên độ: ≤ 2,5mm
- Thời gian: ≤ 0,08s
- Trục: 0-90°

6. KHOẢNG PR VÀ ĐOẠN PR

KHOẢNG PR: đại diện cho dẫn truyền nhĩ – thất

- PR ngắn
- PR dài



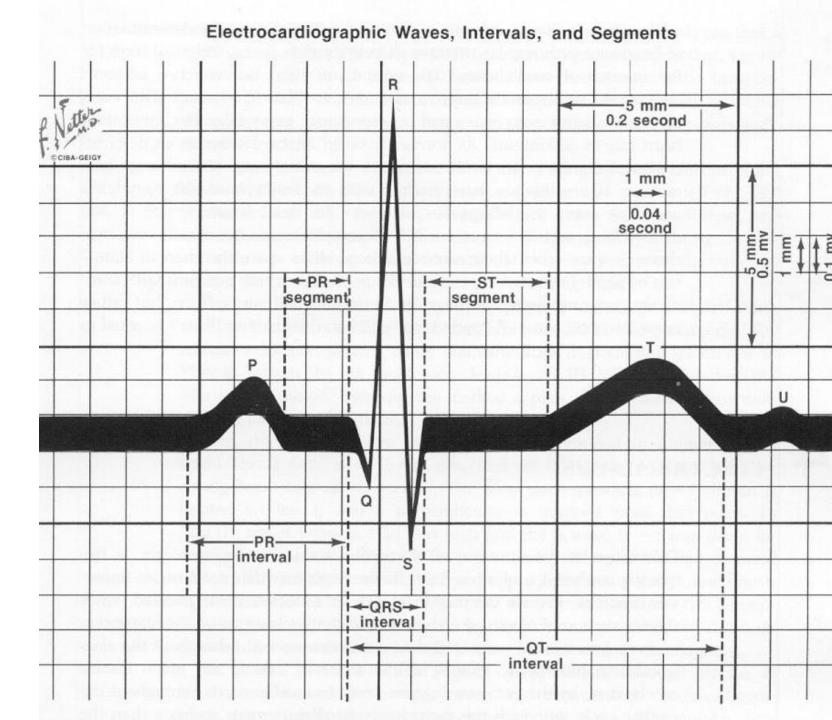
ĐOẠN PR

- Tỉ số Macruz: P/ PR
- Bình thường: 1,0 − 1,6
 - **>**1,6: lớn LA
 - >< 1,0: lớn RA

7. PHỨC BỘ QRS

- Hình dạng:
 - bình thường/ bất thường.
 - Đơn dạng/ đa dạng
- Biên độ: chú ý R, S

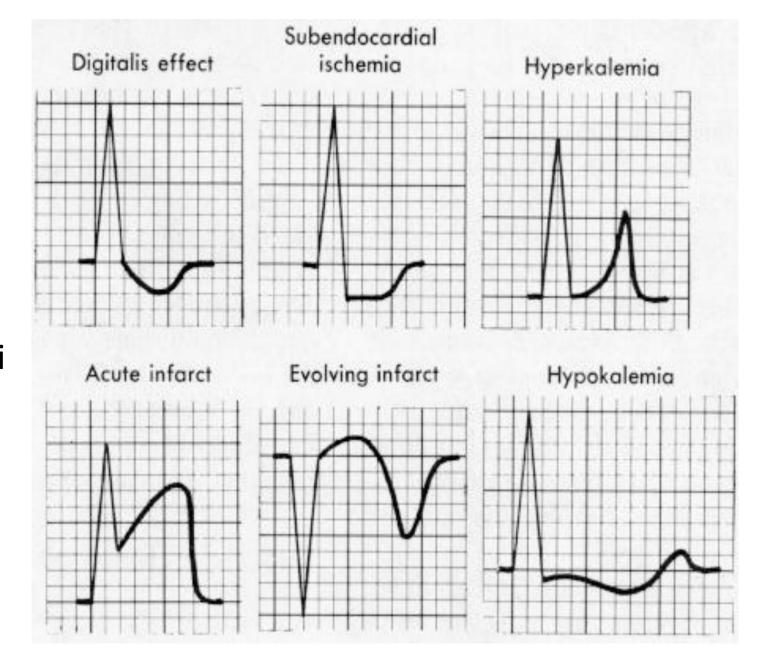
- Thời gian: 0,08s.
 - > 0,1 − 0,12s → dãn



8. ST

- Chênh lên
- Chênh xuống

Tiêu chuẩn: ≥ 1,5mm so với đường đẳng điện

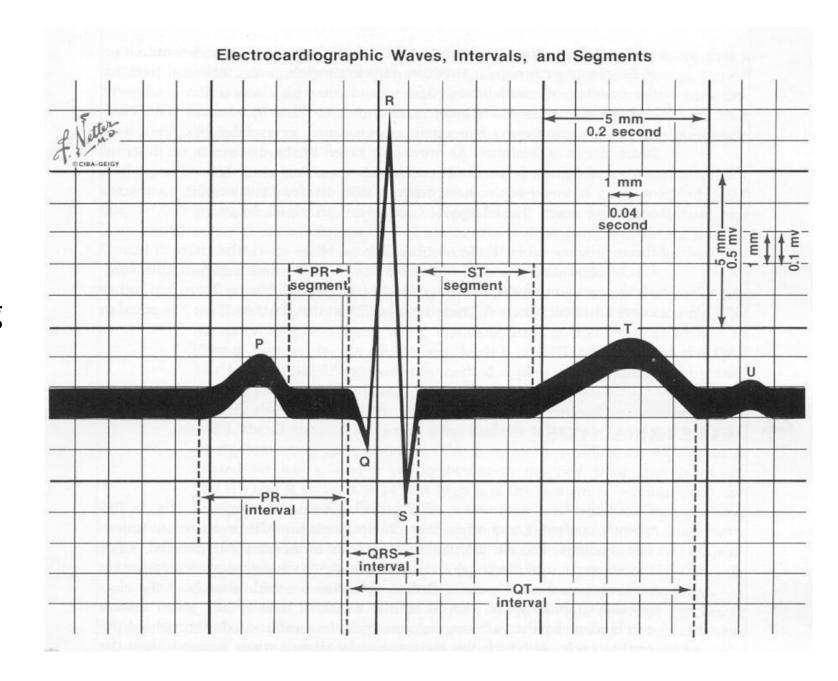


9. SÓNG T

Hình dạng

Biên độ: bình thường
 # 6mV hoặc 1/3 R

• Chiều so với QRS



10. KHOẢNG QT

• QTc

$$QTc = \frac{QT \text{ measured}}{\sqrt{RR \text{ interval}}}$$

- Giới hạn trên bình thường: 0,44 giây ở trẻ ≥ 6 tháng
- QT dài: HC QT dài, hạ calci, viêm cơ tim, bệnh cơ tim, thuốc
- QT ngắn: tăng calci máu, ngộ độc digitalis

LÓN NHĨ

MỘT SỐ BẮT THƯỜNG ECG HAY GẶP

LÓN THẤT

LỚN NHĨ PHẢI

• Biên độ: DII ≥ 3mm

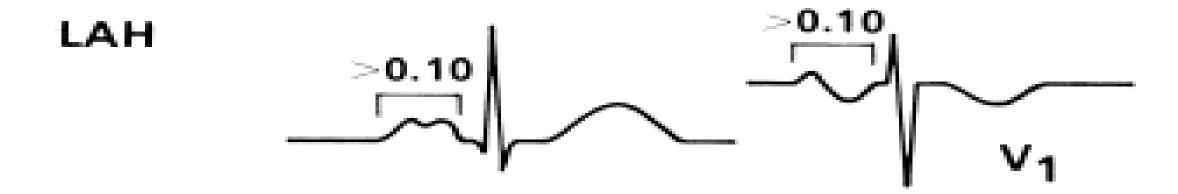
• Trục lệch phải: > 75°





LỚN NHĨ TRÁI

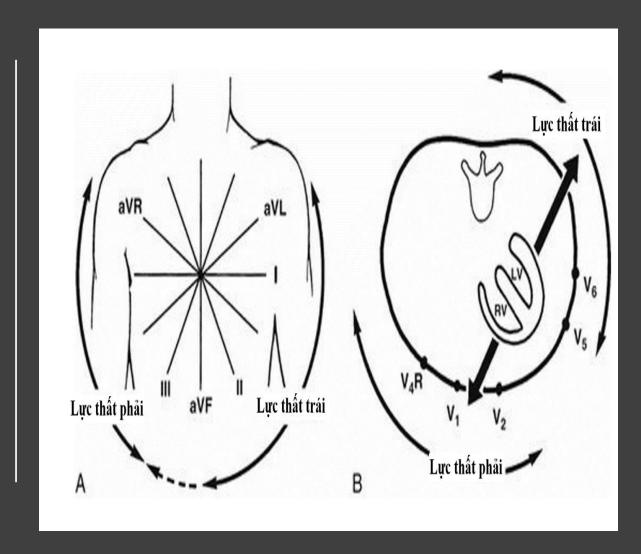
- Thời gian:
 - 0,08s (DI, DII, aVL)
 - Pha âm V1 > 0,04s
- Hình dạng:
 - Hai múi ở DII; hai pha ở V1
 - Trục P: -30 45°



LỚN THẤT

NHỮNG THAY ĐỔI CHUNG

- Thất phì đại/ dãn → tăng khối cơ/ diện tích bề mặt → tăng biên độ của sóng QRS ở các chuyển đạo cùng hướng
- Lệch trục QRS về phía thất lớn
- Thay đổi tỉ lệ R/S



LỚN THẤT PHẢI

- Trục lệch phải
- R: cao ở V1, V2, V3R, aVR
- S: sâu ở V5, V6, DI, aVL
- R/S: > 1 (V1, V2), < 1 (V5, V6)

LỚN THẤT TRÁI

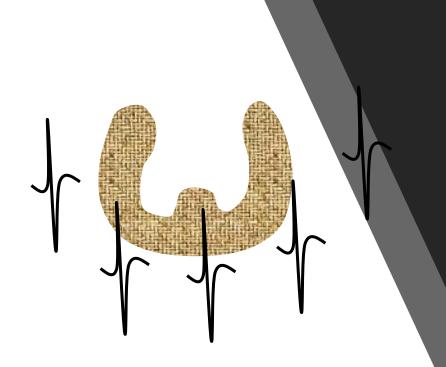
- Trục lệch trái
- R: cao ở V5, V6, DI, DII aVL
- S: sâu ở V1, V2, DIII, aVR
- R/S < 1 ở V1, V2
- Q ở V5, V6 kèm T cao, đối xứng

Sokolov – Lyon R V5/V6 + S V1 \geq 45mV

Blondeau – Heller: S V2 + R V6 ≥ 40 mV

LỚN HAI THẤT

- 1. Lớn TP + lớn TT
- 2. Lớn 1 thất + R cao bên kia
- 3. Lớn 1 thất + trục lệch bên kia
- 4. Tiêu chuẩn Kartz Watchtel: CĐ trung gian trước ngực: R + S ≥ 60 mV
- 5. Hiện tượng Kartz Watchtel
 CĐ chi: ≥ 2 CĐ có R/S = 1 và CĐ ngực V2-5 có
 R/S = 1



KẾT LUẬN

- ECG ở trẻ em thay đổi theo tuổi
- Tiếp cận ECG cần có hệ thống
- Hiểu và áp dụng được các tiêu chuẩn chẩn đoán lớn nhĩ, lớn thất

